

Bản án số: 1522/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25/10/2018

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Hồng Phương

Bà Võ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoài – Thư ký Tòa án Gò Vấp

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 587/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 427/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2018, và Quyết định hoãn phiên tòa số 360/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Thế S, sinh năm 1968; địa chỉ: số D, đường B, Phường R, quận N, Tp. HCM (có đơn yêu cầu vắng mặt).

Bị đơn: Bà Trương Thị H, sinh năm 1966; địa chỉ: số Q, đường H, Phường Z, quận G, Tp.HCM(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 19/4/2018 cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn Ông Đặng Thế S trình bày:

Ông Đặng Thế S và Bà Trương Thị H tự nguyện chung sống từ năm 1990, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường R, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian chung sống có một con chung tên Đặng Công P, sinh ngày 20/12/1990. Mâu thuẫn gia đình phát sinh nhiều năm nay do không cùng quan điểm trong cuộc sống, thiếu sự quan tâm và chia sẻ trong cuộc sống gia đình. Đến năm 2005 bà H tự ý

sống riêng đến nay không thể hòa giải được. Ông Syêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà H.

Về con chung: Có một con chung tên Đặng Công P, sinh ngày 20/12/1990 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bà Trương Thị H vắng mặt, nên tòa án không thể lấy lời khai và tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ các quy định tố tụng, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định :

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét đơn khởi kiện của Ông Đặng Thế S thì đây là vụ án ly hôn theo yêu cầu một bên do bị đơn cư trú tại quận Gò Vấp, nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp - Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét về thủ tục Tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử 02 lần theo luật định, nhưng bà H đều vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân để xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Xét đơn đề nghị xét xử vắng mặt của Ông Đặng Thế S ngày 23/10/2018, là phù hợp khoản 1, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy, xét xử vắng mặt theo yêu cầu của nguyên đơn.

[3]. Về yêu cầu của đương sự:

Xét thấy, Ông S và bà H chung sống với nhau năm 1990, đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 04/12/1990, tại Ủy ban nhân dân Phường R, quận N, Tp.Hồ Chí Minh. Nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tại tòa Ông S yêu cầu giải quyết ly hôn với bà H, theo qui định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt niêm yết triệu tập bà H nhiều lần để lấy lời khai, hòa giải- đối chất và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên Tòa, nhưng bà H vắng mặt không có lý do, chứng tỏ bà H không còn tha thiết muốn duy trì quan hệ hôn nhân với Ông S. Hiện tại Ông S và bà H có cuộc sống

riêng, không còn quan tâm cuộc sống gia đình chung và mong muốn duy trì hạnh phúc. Nên Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, quan hệ hôn nhân giữa Ông S và bà H, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nên cần áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ông S đối với bà H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Công P, sinh ngày 20/12/1990 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông S xác định không có, Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông S phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của Ông Đặng Thế S.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Thế S được ly hôn với Bà Trương Thị H. (Giấy chứng nhận kết hôn số 64 do Ủy ban nhân dân phường R, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/12/1990 hết hiệu lực pháp luật).

Về con chung: Có một con chung tên Đặng Công P, sinh ngày 20/12/1990 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0029107 ngày 03/05/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Ông N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- UBND P1,
Q.Phú Nhuận, TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thùy Trang

